

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày: 12-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huỳnh Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Trần Bình Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2021/TLST-DS ngày 26/01/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐ XXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1966 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu)
Địa chỉ: Tổ M, khu vực Z, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1982 (Vắng mặt lần 02)
Địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện T2, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày: Bà và Nguyễn Thị Thu T1 là bạn hàng làm ăn lâu nay. Vào ngày 16/3/2017 bà T1 có vay của bà số tiền 133.280.000đ để kinh doanh mì lát. Hai bên có lập giấy mượn tiền do bà T1 ghi và ký, hạn trả nợ là cuối năm 2017 (trả hết một lần), không xác định tiền lãi (chỉ thỏa thuận miệng lãi suất là 1,2%/tháng). Tuy nhiên quá hạn đã lâu bà đòi nhiều lần nhưng bà T1 không trả cho bà. Nay bà yêu cầu bà T1 trả dứt điểm một lần tiền gốc và phải trả tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận là 1,2%/tháng tính từ ngày 16/3/2017 (ngày vay tiền) cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T1 trình bày: Bà thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của bà Trần Thị T1. Vì là mối quan hệ làm ăn quen biết nhau từ trước, vào ngày 16/3/2017 bà có vay của bà T1 số tiền 133.280.000 đồng (*Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) để mua bán mì lát; bà có viết giấy mượn tiền giao bà T, xác nhận số tiền vay, hẹn đến cuối năm 2017 thì trả hết nợ, không thỏa thuận phải trả lãi. Tuy nhiên vì công việc làm ăn thua lỗ nên bà không thể thanh toán hết khoản nợ trên cho bà T. Nay bà T yêu bà thanh toán dứt điểm một lần số tiền 133.280.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận là 1,2%/tháng tính từ ngày 16/3/2017 cho đến khi giải quyết xong vụ án thì bà chỉ thống nhất trả lại nợ gốc nhưng không thống nhất trả lãi cho bà T vì khi vay tiền hai bên xác nhận nợ mà không tính lãi. Với nợ gốc số tiền 133.280.000 đồng bà yêu cầu trả dần hàng tháng, mỗi 3.000.000đ bắt đầu từ tháng 02/2021 cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự (tuy nhiên có vi phạm về thời hạn xử lý đơn); Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt); bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T1 vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vì đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 của BLDS năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T: buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 phải có nghĩa vụ trả dứt điểm một lần cho bà T số tiền gốc là 133.280.000 đồng (*Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) và phải trả tiền lãi tính lãi theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/01/2018 (là ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ) cho đến ngày xét xử là ngày 12/5/2021; đồng thời cần buộc bà T1 phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số tiền còn phải trả cho đến thi hành án xong; không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T1 xin trả nợ dần hàng tháng mỗi tháng 3.000.000đ, bắt đầu từ tháng 3/2021 cho đến khi hết nợ và không phải trả lãi vì không có căn cứ và bà T không đồng ý. Án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: nguyên đơn là bà Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T1 vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ

hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

** Về nội dung vụ án:*

[1] Bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị Thu T1 đều thống nhất: Hai bên là chỗ quen biết, có giao dịch làm ăn với nhau. Vào ngày 16/3/2017 bà Nguyễn Thị Thu T1 có vay của bà Trần Thị T số tiền là 133.280.000đ (*Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) mục đích là để mua bán mì lát. Bà T1 có viết giấy xác nhận nợ đề ngày 16/3/2017, xác nhận số tiền vay, hạn trả nợ là cuối năm 2017, không xác định tiền lãi. Đây là tình tiết mà cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận. Căn cứ quy định tại Điều 463, Khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, đây là giao dịch hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi.

[2] Việc bà Nguyễn Thị Thu T1 nợ tiền bà Trần Thị T, bà T đã nhiều lần đòi nợ bà nhưng bà T1 không thanh toán, mà chỉ chấp nhận trả khoản nợ gốc 133.280.000đ theo phương thức trả dần hàng tháng với mức 3.000.000đ/tháng và xin không trả tiền lãi - là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 280, 466 Bộ luật dân sự. Nên HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền: 133.280.000đ (*Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) về khoản nợ vay ngày 16/3/2017 chưa thanh toán.

[3] Về tiền lãi: Bà T yêu cầu bà T1 trả tiền lãi kể từ ngày 16/3/2017 (là ngày vay tiền) cho đến khi trả nợ xong với lãi suất là 1,2%/tháng - là chưa phù hợp với quy định pháp luật và bà T1 cũng không thống nhất về lãi suất, nên áp dụng các quy định tại các Điều 280, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của bà Trung: buộc bà T1 phải trả tiền lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 01/01/2018 cho đến khi thi hành án xong, lãi suất là 10%/năm (0,8333%/tháng, 0,02777%/ngày).

- Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018 (là ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ) cho đến ngày xét xử 12/5/2021 tổng cộng là 40 tháng và 11 ngày, tính thành tiền là: 44.833.900đ (*Bốn mươi bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn chín trăm đồng*).

- Tổng cộng bà T1 phải trả cho bà T số tiền là 178.113.900đ (*Một trăm bảy mươi tám triệu một trăm mười ba nghìn chín trăm đồng*) về khoản nợ vay ngày 16/3/2017 chưa thanh toán. Trong đó: nợ gốc là 133.280.000đ, tiền lãi đến ngày 12/5/2021 là 44.833.900đ.

Ngoài ra, áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự: Kể từ ngày 13/5/2021 cho đến khi thi hành án xong bà Nguyễn Thị Thu T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Việc bà T1 chấp nhận số tiền còn nợ nhưng không chịu trả một lần, xin trả dần hàng tháng với mức 3.000.000đ/tháng và không chịu trả lãi nhưng bà T không đồng ý và không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Bà Trần Thị T không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.332.000đ (*Ba triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai số 0004425 ngày 26/01/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu.

- Bà Nguyễn Thị Thu T1 phải nộp án phí với số tiền là $178.113.900đ \times 5\% = 8.905.600đ$ (*Tám triệu chín trăm lẻ năm nghìn sáu trăm đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T; tuyên xử:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền 178.113.900đ (*Một trăm bảy mươi tám triệu một trăm mười ba nghìn chín trăm đồng*) về khoản nợ vay ngày 16/3/2017 chưa thanh toán. Trong đó: nợ gốc là 133.280.000đ, tiền lãi đến ngày 12/5/2021 là 44.833.900đ.

Kể từ ngày 13/5/2021 cho đến khi thi hành án xong bà Nguyễn Thị Thu T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T1 chỉ chấp nhận trả nợ dần hàng tháng với mức 3.000.000đ/tháng và không chịu trả lãi vì bà T không đồng ý, không phù hợp với quy định của pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho bà T số tiền 3.332.000đ (*Ba triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng*) - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0004425 ngày 26/01/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu.

Bà Nguyễn Thị Thu T1 phải nộp án phí với số tiền là 8.905.600đ (Tám triệu chín trăm lẻ năm nghìn sáu trăm đồng).

3/ Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;

TÒA

- VKSND huyện Tây Sơn;

- Chi cục THA dân sự H. Tây Sơn;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Thị Giang Nam

